

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT  
VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN  
TỐT NGHIỆP NĂM 2015  
(SAU TỐT NGHIỆP 12 THÁNG)**

Đà Nẵng, 12-2016

## MỤC LỤC

1	Quá trình khảo sát.....	3
1.1	Giới thiệu .....	3
1.2	Hình thức và thời gian khảo sát .....	3
1.3	Nội dung khảo sát .....	3
2	Kết quả khảo sát .....	4
2.1	Phân bố phiếu khảo sát .....	4
2.2	Tình hình việc làm .....	5
2.3	Thời điểm có việc làm .....	7
2.4	Mối liên hệ giữa kết quả học tập và tỉ lệ có việc làm .....	8
3	Các đề xuất, kiến nghị .....	9

# **1 Quá trình khảo sát**

## **1.1 Giới thiệu**

Nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên cũng như thu thập những ý kiến nhằm tìm hiểu những khó khăn trong quá trình tìm việc làm của cựu sinh viên, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát đối với cựu sinh viên. Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường nắm được thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên và có những giải pháp nhằm hỗ trợ cựu Sinh viên cũng như cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) và các hoạt động đào tạo nhằm gia tăng tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Hai đợt khảo sát cựu sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 06 năm 2015 được tổ chức vào tháng 1-3/2016 và tháng 8-9/2016.

## **1.2 Hình thức và thời gian khảo sát**

Do cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp đi làm ở nhiều nơi khác nhau nên hình thức khảo sát được sử dụng là khảo sát qua điện thoại và khảo sát trực tuyến.

- Hình thức khảo sát trực tuyến (dùng Google Form) được tiến hành từ tháng 01/2016 đến tháng 2/2016. Phiếu khảo sát trực tuyến được đặt trên Trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://due.udn.vn/vi-vn/phong/khaothi/khaothichitiet/id/2981/cid/1814>.
- Hình thức khảo sát qua điện thoại được tiến hành hai đợt là tháng 2-3/2016 và tháng 8-9/2016 tương ứng với 2 thời điểm sau khi sinh viên tốt nghiệp 6 tháng và 12 tháng.

## **1.3 Nội dung khảo sát**

Để nắm thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên cũng như ghi nhận các ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo và góp ý hướng cải tiến để chương trình đào tạo của Trường ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động, bảng câu hỏi được thiết kế gồm 29 câu. Trong đó có các câu hỏi về thông tin cá nhân, tình hình việc làm của các sinh viên sau khi tốt nghiệp (tình trạng việc làm, phương thức tìm kiếm việc làm, tỷ lệ trung bình về thu nhập của sinh viên, những nguyên nhân và lý do sinh viên chưa đi làm và chưa xin được việc), các khóa học thêm sau khi tốt nghiệp và các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo. Nội dung phiếu khảo sát này được trình bày trong Phụ lục kèm theo.

Tuy nhiên, khi tổ chức khảo sát qua điện thoại có thời gian hỏi không nhiều, nội dung khảo sát được rút gọn, chỉ bao gồm các thông tin chính yếu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên là:

1. Anh/Chị đã có việc làm chưa?
2. Anh/Chị đã có việc làm đúng ngành hoặc liên quan với ngành đào tạo không?
3. Bao lâu sau khi tốt nghiệp thì Anh/Chị có việc làm?
4. Anh/Chị làm việc tại cơ quan/ doanh nghiệp nào ?
5. Mức thu nhập bình quân theo tháng của Anh/Chị là khoảng bao nhiêu?
6. Lý do Anh/Chị chưa đi làm ?

## 2 Kết quả khảo sát

### 2.1 Phân bổ phiếu khảo sát

Trong tổng số 1638 sinh viên tốt nghiệp có người 1290 trả lời khảo sát. Trong đó, trả lời khảo sát qua điện thoại là 1173 người và trả lời khảo sát trực tuyến là 117 người.

Số lượng cựu sinh viên tham gia trả lời khảo sát chi tiết theo từng ngành như trong Bảng 1.

**Bảng 1. Tỷ lệ cựu sinh viên tham gia khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập**

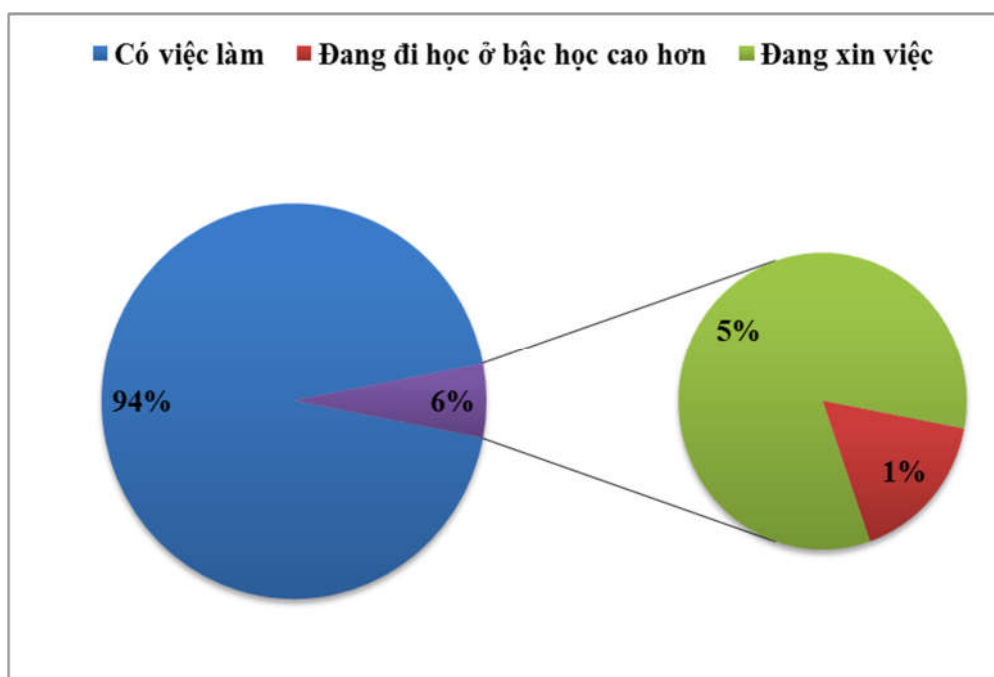
Ngành	Số SVTN	Số SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ SV tham gia KS/ Số SVTN
Kinh tế	102	81	79.4%
Kinh doanh quốc tế	112	82	73.2%
Quản trị kinh doanh	263	209	79.5%
Kế toán	207	177	85.5%
Tài chính – Ngân hàng	318	264	83.0%
Kinh doanh thương mại	94	64	68.1%
Marketing	95	70	73.7%
Luật kinh tế	43	33	76.7%
Hệ thống thông tin quản lý	51	39	76.5%
Quản trị nhân lực	100	85	85.0%
Kiểm toán	91	80	87.9%
Luật	48	31	64.6%
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	113	74	65.5%
Quản lý nhà nước	1	0	0.0%
<b>Tổng</b>	<b>1638</b>	<b>1289</b>	<b>78.7%</b>

## 2.2 Tình hình việc làm

Trong tổng số 1289 sinh viên tham gia trả lời khảo sát, tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp cụ thể như trong Bảng 2 và Hình 1:

**Bảng 2. Tình hình việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng**

Tình hình việc làm	Số lượng	Tỉ lệ
- Đã có việc làm	1208	94%
- Chưa có việc làm	81	6%
+ Đang đi học ở bậc học cao hơn	12	1%
+ Đang xin việc	69	5%



**Hình 1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng**

Dựa vào số liệu đã được khảo sát, tỷ lệ sinh viên đã có việc làm hoặc đang đi học ở bậc học cao hơn chiếm khoảng 95% tổng số sinh viên được khảo sát. Trong đó, theo từng ngành, tỉ lệ có việc làm chi tiết như trong Bảng 3. Từ bảng số liệu có thể thấy, trong hầu hết các ngành, tỉ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 90%. Chỉ có 2 ngành là Kinh tế và Luật kinh tế tỉ lệ sinh viên có việc làm là ở mức thấp hơn, lần lượt là 81% và 88%. Riêng ngành Quản lý nhà nước có tỉ lệ có việc làm là 0% là do chỉ có 1 sinh viên tốt nghiệp muộn (năm 6) và Nhà trường không thể liên hệ để khảo sát.

**Bảng 3. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng theo ngành**

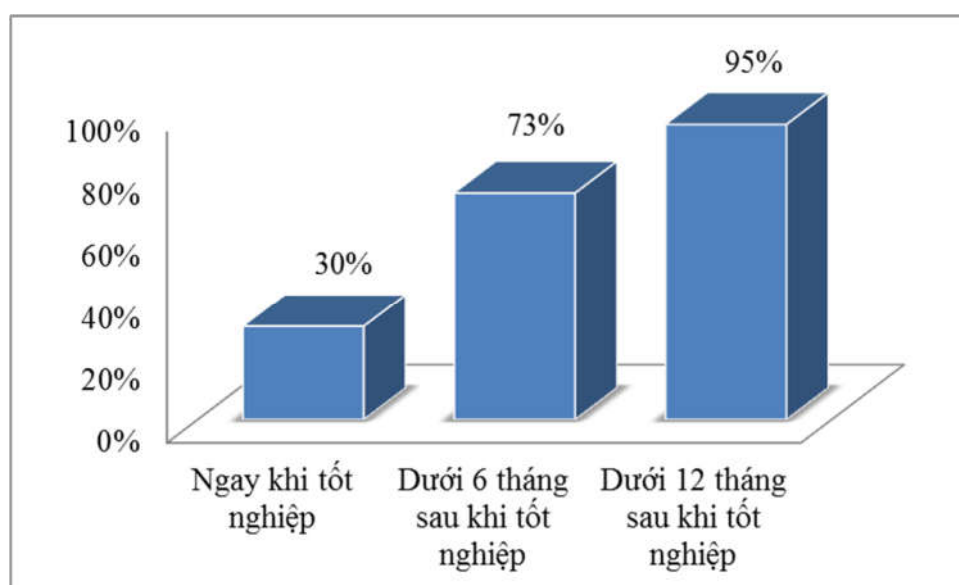
TT	Ngành đào tạo; mã số	Tổng số SVTN	Tổng số SVTN được khảo sát	Chia theo giới tính		Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm*
				Nam	Nữ	Số SVTN có việc làm	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số lượng SVTN chưa có việc làm	
(1)	(2)	(3)	(3')	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kinh tế; 52310101	102	81	21	81	66	0	15	81%
2	Kinh doanh quốc tế; 52340120	112	82	26	86	76	1	5	94%
3	Quản trị kinh doanh; 52340101	263	209	95	168	197	4	8	96%
4	Kế toán; 52340301	207	177	27	180	173	1	3	98%
5	Tài chính – Ngân hàng; 52340201	318	264	73	245	247	3	14	94%
6	Kinh doanh thương mại; 52340121	94	64	24	64	60	0	4	94%
7	Marketing; 52340115	95	70	23	70	68	0	2	97%
8	Luật kinh tế; 52380107	43	33	15	28	28	1	4	88%
9	Hệ thống thông tin quản lý; 52340405	51	39	12	39	39	0	0	100%
10	Quản trị nhân lực; 52340404	100	85	23	77	79	0	6	93%
11	Kiểm toán; 52340302	91	80	27	64	78	1	1	99%
12	Luật; 52380101	48	31	6	42	28	0	3	90%
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; 52340103	113	74	15	98	69	1	4	94%
14	Quản lý nhà nước; 52310205	1	0	1	0	0	0	0	0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1638</b>	<b>1289</b>	<b>388</b>	<b>1242</b>	<b>1208</b>	<b>12</b>	<b>69</b>	<b>95%</b>

### 2.3 Thời điểm có việc làm

Xét về thời điểm có việc làm, Bảng 4 và Hình 2 cho thấy ngay khi tốt nghiệp, khoảng 30% sinh viên đã có việc làm và sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp phần lớn cựu sinh viên (73%) tìm kiếm được việc làm.

**Bảng 4. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên**

Thời điểm	Số lượng	Tỉ lệ
Ngay khi tốt nghiệp	366	30%
Dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp	883	73%
Dưới 12 tháng sau khi tốt nghiệp	1145	95%



**Hình 2. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên**

Đối với từng chuyên ngành, từ Bảng 5 cho thấy nhiều ngành có tỉ lệ sinh viên có việc làm ngay khi tốt nghiệp rất cao như Hệ thống thông tin quản lý (82%), Kiểm toán (70%), Marketing (50%).

**Bảng 5. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên phân theo ngành**

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Thời điểm có việc làm					
			Ngay khi tốt nghiệp		Dưới 6 tháng		Dưới 12 tháng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kế toán	177	45	25.4%	145	81.9%	174	98.3%
2	Kiểm toán	80	56	70%	69	86%	77	96%
3	Hệ thống thông tin	39	32	82%	32	82%	38	97%

	quản lý							
4	Kinh doanh quốc tế	82	33	40%	62	76%	72	88%
5	Kinh doanh thương mại	64	20	31%	43	67%	57	89%
6	Kinh tế	81	6	7%	38	47%	54	67%
7	Luật	31	7	23%	20	65%	28	90%
8	Luật kinh tế	33	3	9%	17	52%	25	76%
9	Marketing	70	35	50%	54	77%	65	93%
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	74	20	27%	53	72%	61	82%
11	Quản trị kinh doanh	209	34	17.2%	124	59.3%	201	96.2%
12	Quản trị nhân lực	85	5	6%	38	45%	75	88%
13	Tài chính – Ngân hàng	264	72	27%	196	74%	236	89%
14	Quản lý nhà nước	1	0	0%	0	0%	0	0%

## 2.4. Mọi liên hệ giữa kết quả học tập và tỉ lệ có việc làm

Xét theo kết quả học tập, tỉ lệ có việc làm của sinh viên như trong Bảng 6. Từ bảng này có thể thấy rằng xếp loại tốt nghiệp của sinh viên càng cao thì tỉ lệ có việc làm cũng càng cao, nhưng sự chênh lệch về tỉ lệ có việc làm giữa các nhóm xếp loại là không quá lớn. Trong số 25 sv xếp loại xuất sắc được khảo sát thì 24 sinh viên đã có việc làm (chiếm 96%) còn 1 sinh viên đang đi học ở bậc học cao hơn. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp loại trung bình có việc làm cũng đạt trên 93%.

**Bảng 6. Tỉ lệ cựu sinh viên có việc làm xét theo xếp loại tốt nghiệp**

STT	Xếp loại	Tổng số SV	Tổng số SV được khảo sát	Sinh viên có việc làm		Sinh viên đang học bậc nâng cao	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Xuất sắc	26	25	24	96%	1	4%
2	Giỏi	350	286	273	95%	4	1%
3	Khá	1117	882	829	94%	6	1%
4	Trung bình	145	88	82	93%	1	1%



### **3 Các đề xuất, kiến nghị**

Từ số liệu khảo sát cho thấy tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm nhìn chung là cao (khoảng 95%) và sự chênh lệch giữa các ngành là không lớn (thấp nhất là 86% và cao nhất là 100%). Như vậy, có thể thấy chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành là tương đối phù hợp, nên tiếp tục được duy trì và mở rộng thêm quy mô của một số ngành có tỉ lệ có việc làm cao. Song song đó Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy để ngày càng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường lao động.

*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 12 năm 2016*

**HIỆU TRƯỞNG**